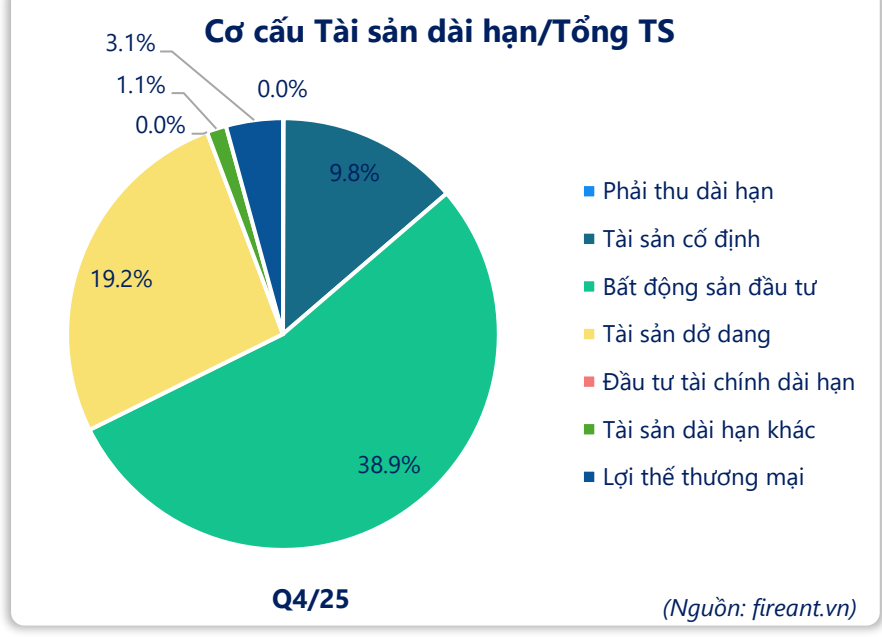
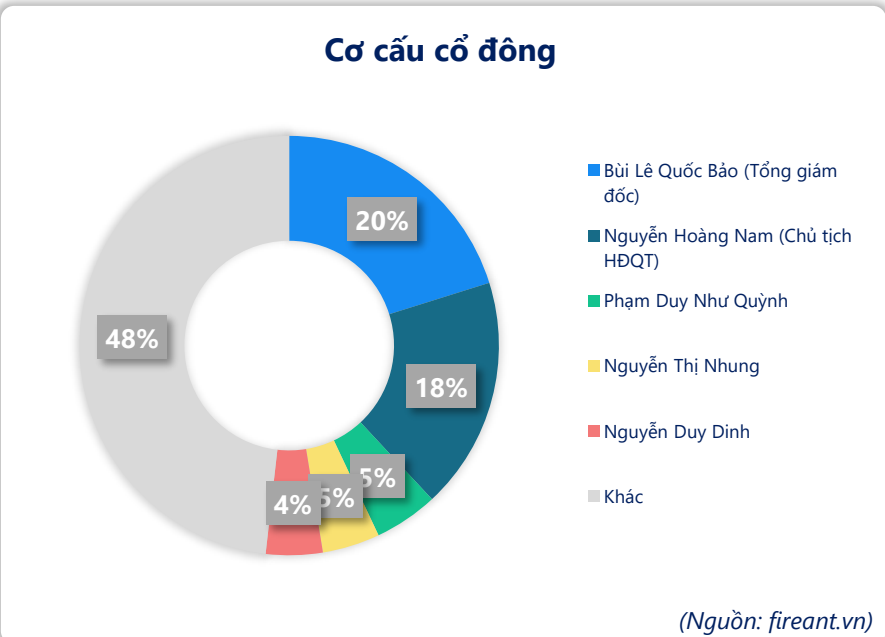
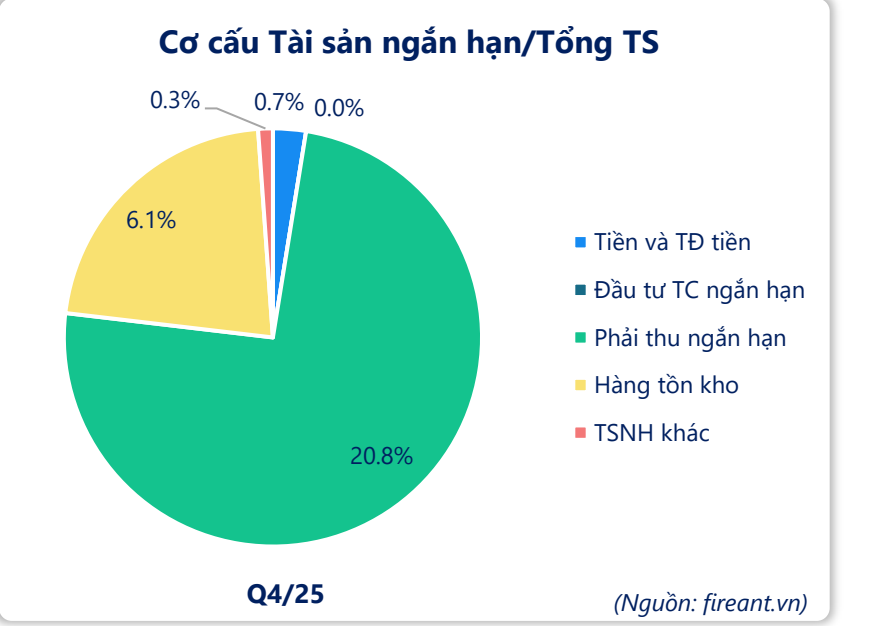
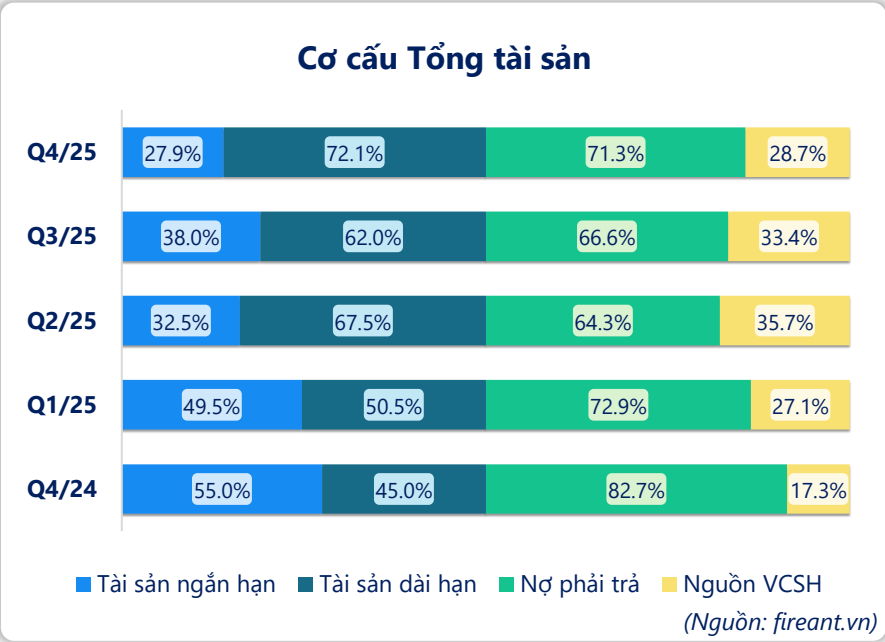
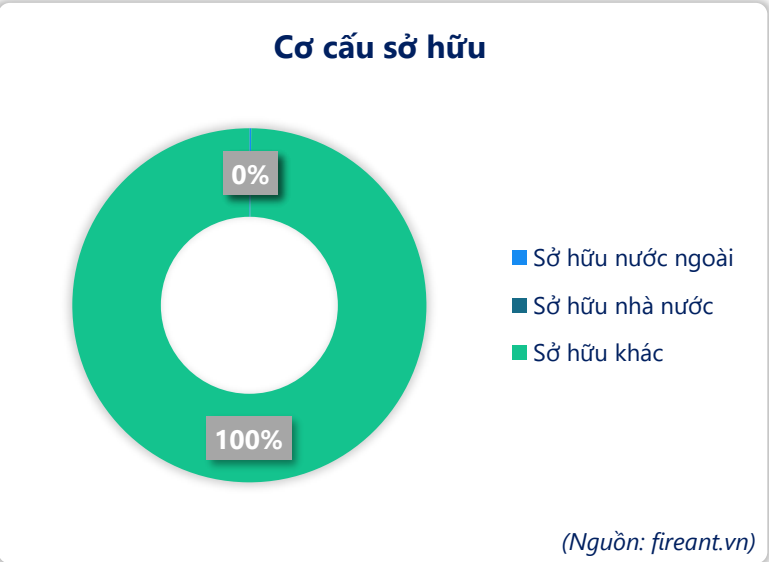
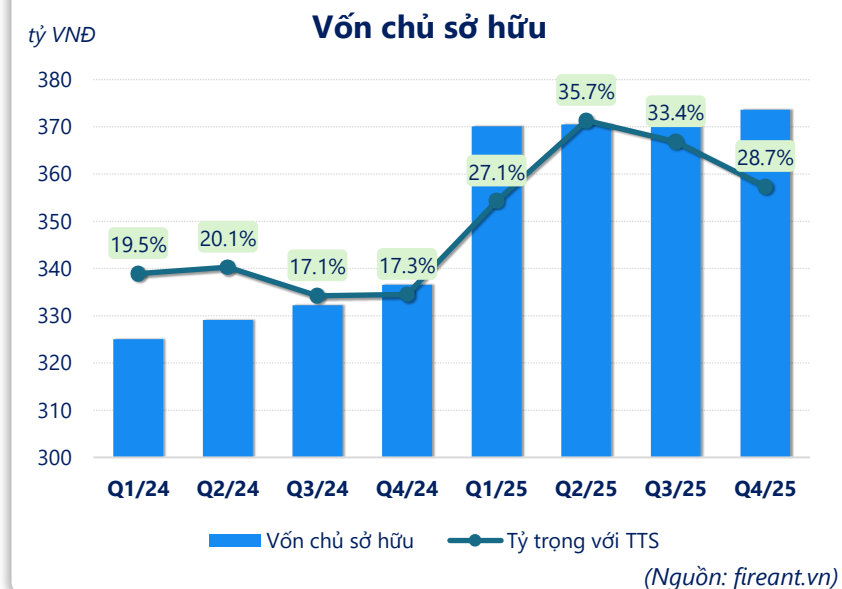
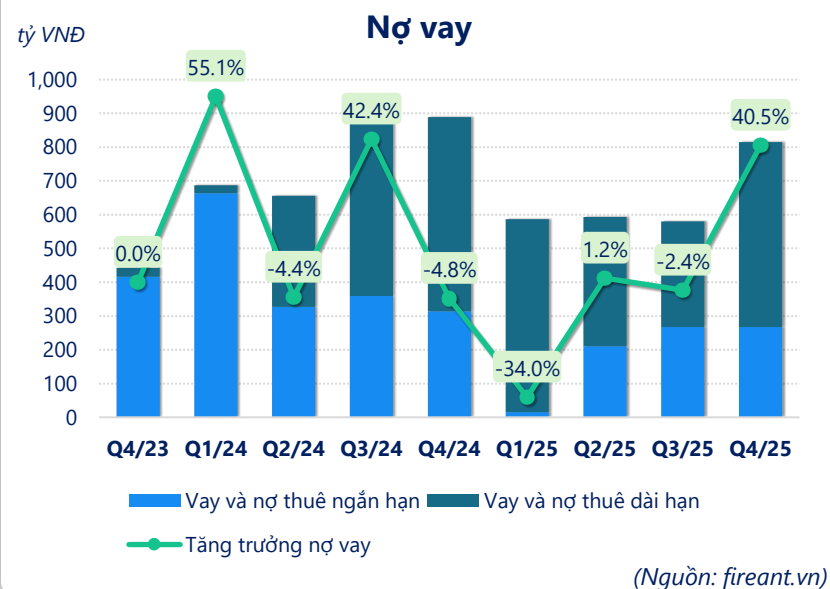
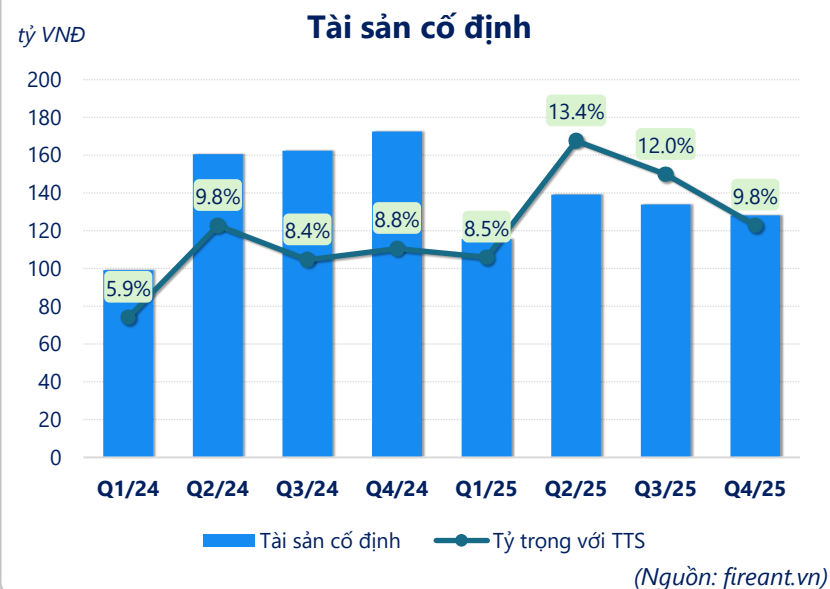
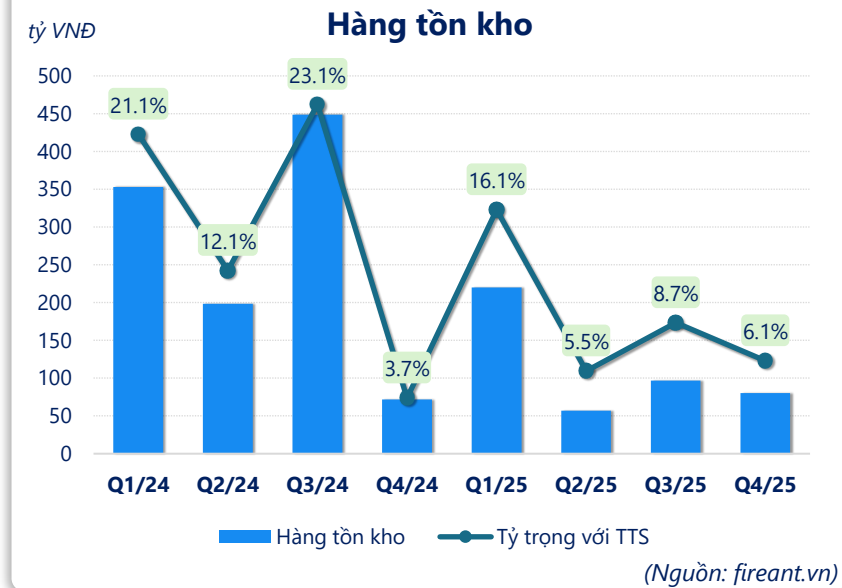
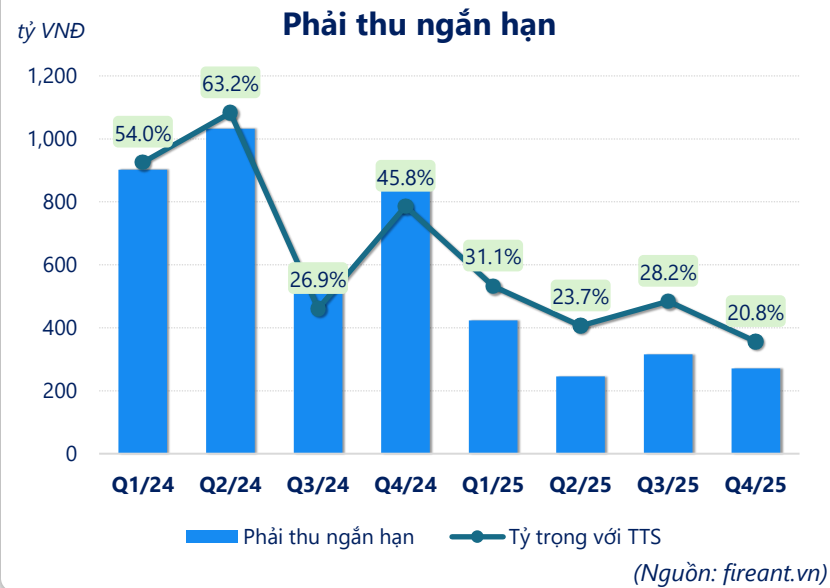
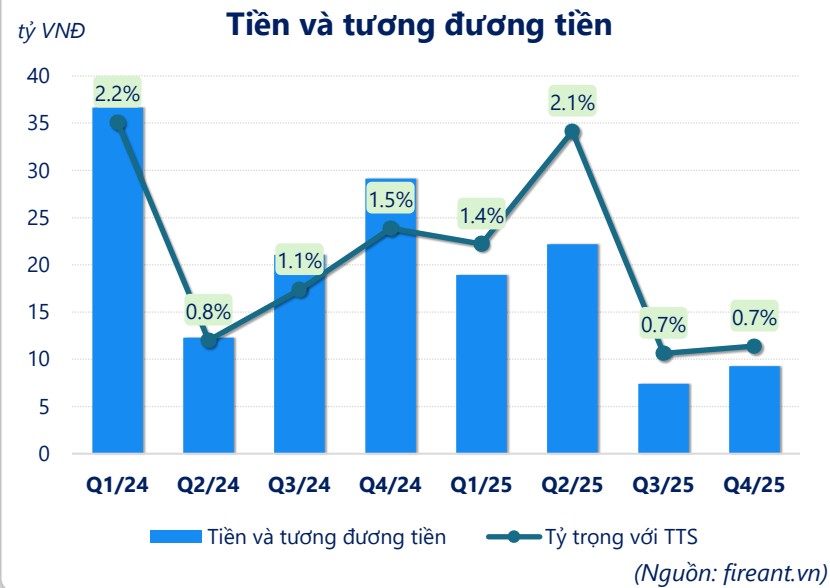
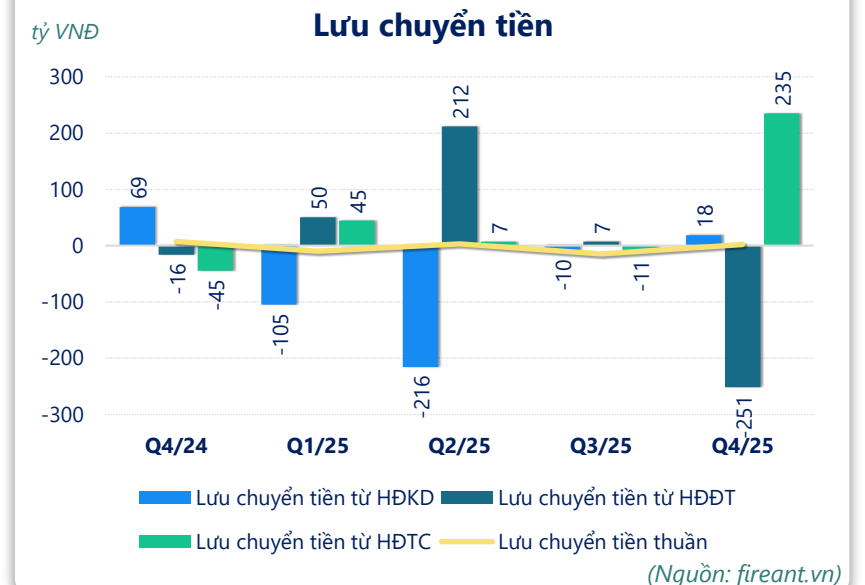
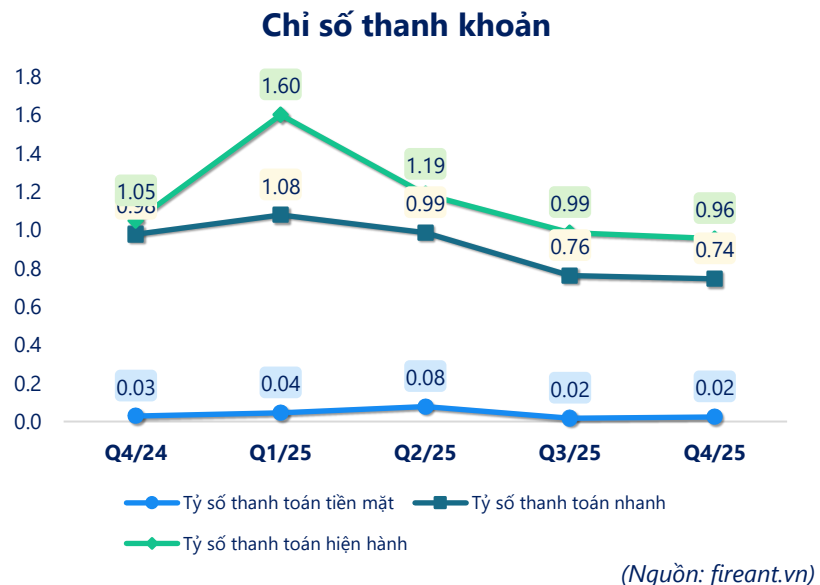
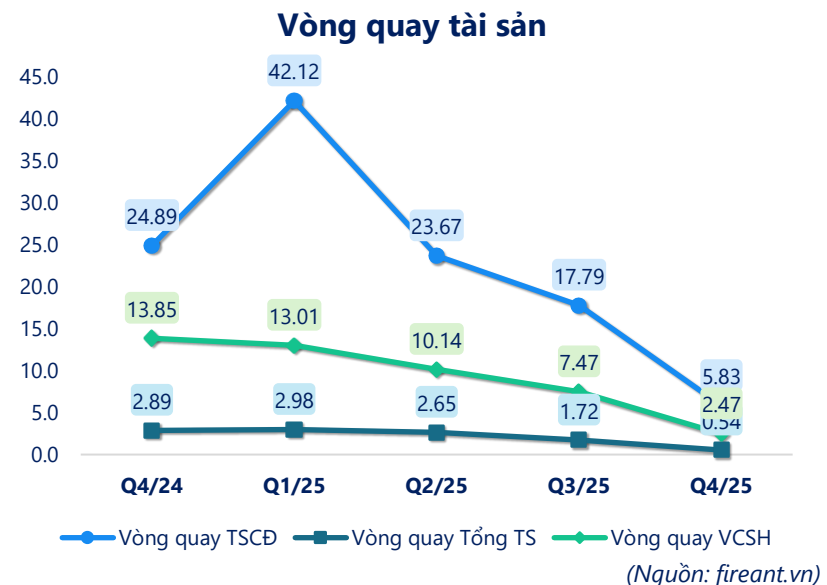
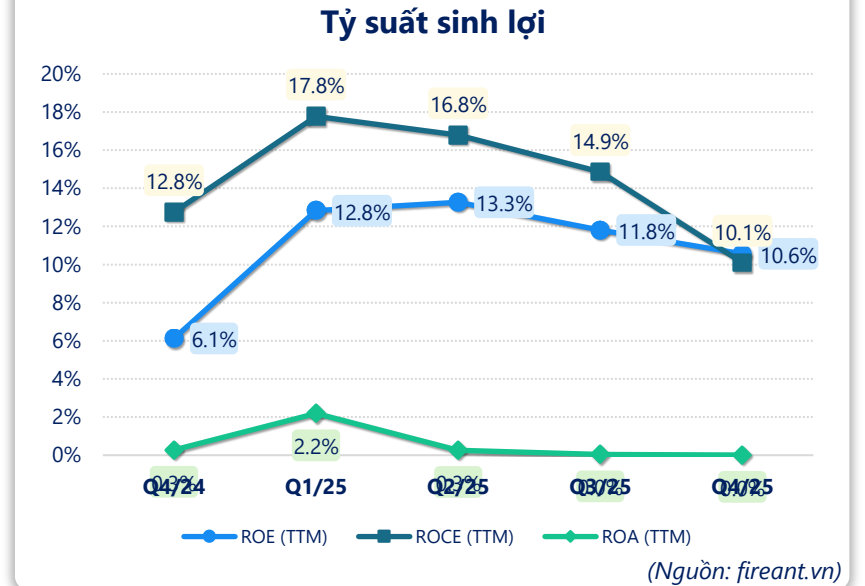
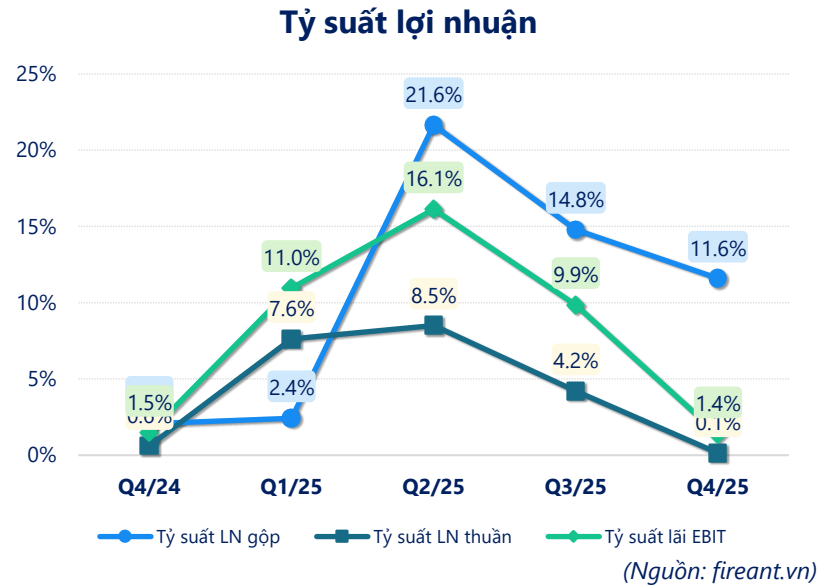
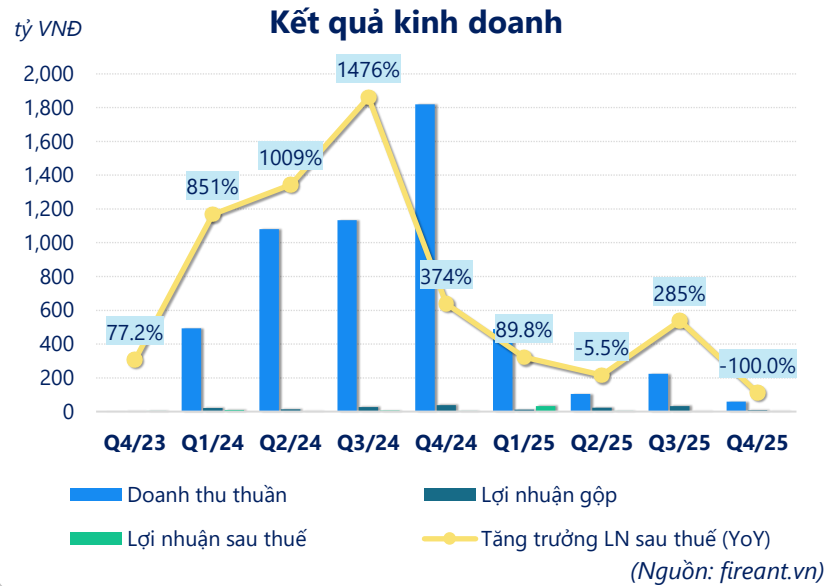


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,880
SL cổ phiếu LH		31,320,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)		167,550
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		282
P/E		7.5
EPS		1,198

	YTD	1T	3T	6T
TCO	-33.1%	-3.3%	-16.7%	-11.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,303	1,953	-33.3%
Tài sản ngắn hạn	364	1,073	-66.1%
Tiền và tương đương tiền	9.27	29.1	-68.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	62.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	271	894	-69.7%
Hàng tồn kho	80.1	71.9	11.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.14	16.1	-74.2%
Tài sản dài hạn	939	880	6.7%
Phải thu dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Tài sản cố định	128	173	-25.8%
Bất động sản đầu tư	507	566	-10.5%
Tài sản dở dang	250	7.33	3304%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	13.7	1.84	648%
Lợi thế thương mại	40.0	131	-69.4%
Nợ phải trả	929	1,616	-42.5%
Nợ ngắn hạn	381	1,027	-62.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	267	314	-14.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	78.0	362	-78.5%
Nợ dài hạn	548	589	-7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	548	576	-4.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	374	337	10.9%
Vốn chủ sở hữu	374	337	10.9%
Vốn điều lệ	313	313	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,819	488	105	224	59.3
Giá vốn hàng bán	1,782	477	82.0	191	52.5
Lợi nhuận gộp	37.6	11.9	22.6	33.1	6.87
Doanh thu HĐTC	0.41	47.7	3.97	0.01	0.00
Chi phí TC	15.7	13.7	10.6	16.9	0.64
Chi phí lãi vay	15.7	13.7	10.6	16.2	0.64
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.14	0.07	0.09	0.41	0.10
Chi phí QLDN	11.1	8.53	7.07	6.44	6.05
LN thuần từ HĐKD	11.1	37.2	8.89	9.39	0.08
Lợi nhuận khác	0.00	2.58	-2.59	-3.59	0.09
LN trước thuế	11.1	39.8	6.31	5.81	0.17
Lợi nhuận sau thuế	4.33	33.2	3.56	0.57	0.17
LNST của CĐ cty mẹ	4.33	33.2	3.55	0.56	0.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.6	-105	-216	-10.2	18.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.4	50.3	212	6.81	-251
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.9	44.5	7.05	-11.4	235
Tiền đầu kỳ	21.1	29.1	18.9	22.2	7.42
Lưu chuyển tiền thuần	7.31	-10.2	3.26	-14.8	1.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.4	18.9	22.2	7.42	9.27

(Nguồn: fireant.vn)